



**TAYA GROUP**  
Ta Ya (Viet Nam) Electric Wire & Cable

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**

Tháng 04 năm 2022

**Phụ lục IV**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Công ty Cổ phần**  
**Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**  
Số: 044/2022/TAYA-BCTN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Biên Hòa, ngày 04 tháng 04 năm 2022*

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2021**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.p Hồ Chí Minh**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ bảy thay đổi ngày 07/06/2017.
- Vốn điều lệ : 306.899.450.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 489.231.032.564 đồng.
- Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Số điện thoại: 84-251-3836361~4 Số fax: 84-251-3836388
- Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TYA
- **Quá trình hình thành và phát triển:**
  - + **Ngày thành lập:** Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.
  - + **Ngày niêm yết:** Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.
  - + **Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức:** Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1~35KV, dây và cáp điện hạ thế 600~1.000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

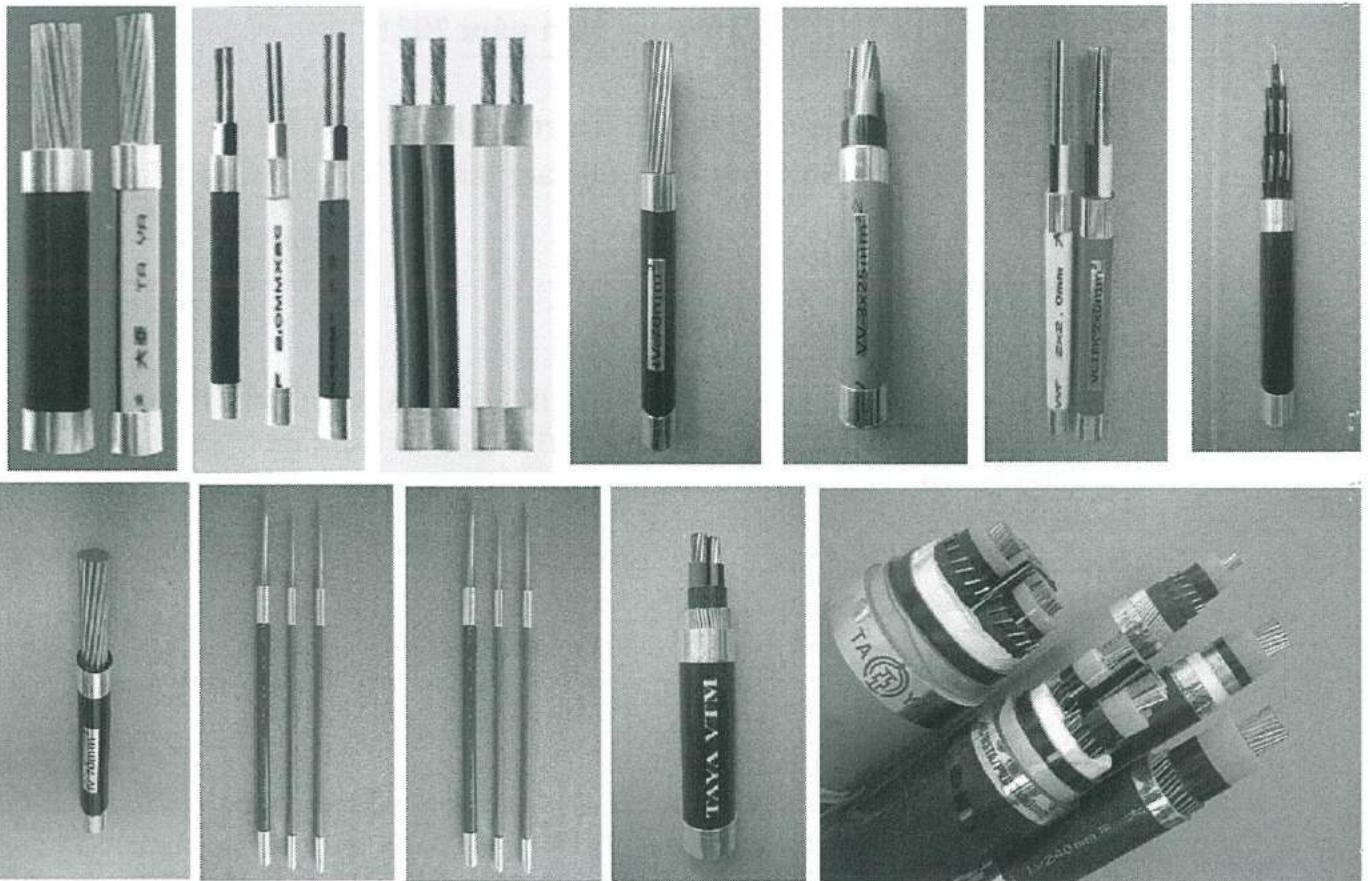
### Sản phẩm tiêu biểu và hình ảnh

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V ~ 1.000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C ~ 200°C.  
(PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

#### ➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



#### ➤ Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V ~ 1.000V

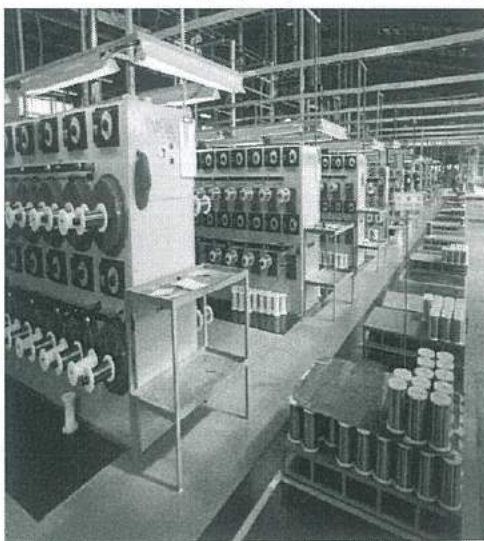


#### ➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV





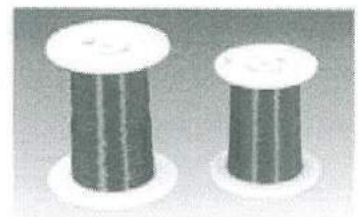
- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



## PEW

### 聚酯漆包銅線

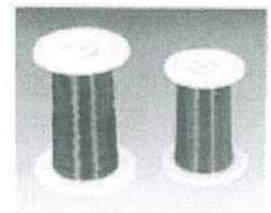
Dây điện từ Polyester  
Polyester Enameled Wire  
耐温等級 : 155°C  
Cấp chịu nhiệt : 155°C  
Thermal Rating: 155°C



## PEW-NY

### 尼龍外被聚酯漆包銅線

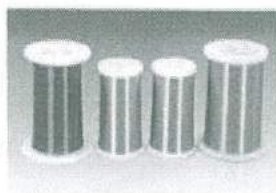
Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài  
Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire  
耐温等級 : 155°C  
Cấp chịu nhiệt: 155°C  
Thermal Rating: 155°C



## UEW+NY

### 尼龍外被聚胺酯漆包銅線

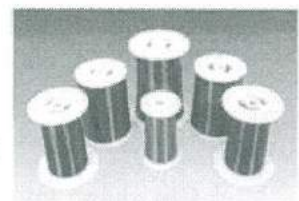
Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide  
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire  
耐温等級 : 130°C/155°C  
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C  
Thermal Rating: 130°C/155°C



## UEW

### 聚胺酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane  
Polyurethane Enameled Wire  
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C  
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C  
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



## EAIW

### 醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

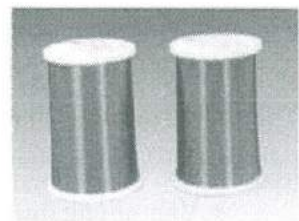
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide  
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire  
耐温等級 : 200°C  
Cấp chịu nhiệt: 200°C  
Thermal Rating: 200°C



## PVF

### 聚乙烯甲醛漆包銅線

Dây điện từ Polyvinyl Formal  
Polyvinyl Formal Enameled Wire  
耐温等級 : 105°C  
Cấp chịu nhiệt: 105°C  
Thermal Rating: 105°C



## EAIW

### 醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

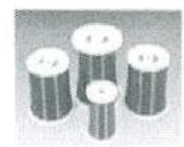
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide  
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire  
耐温等級 : 200°C  
Cấp chịu nhiệt: 200°C  
Thermal Rating: 200°C



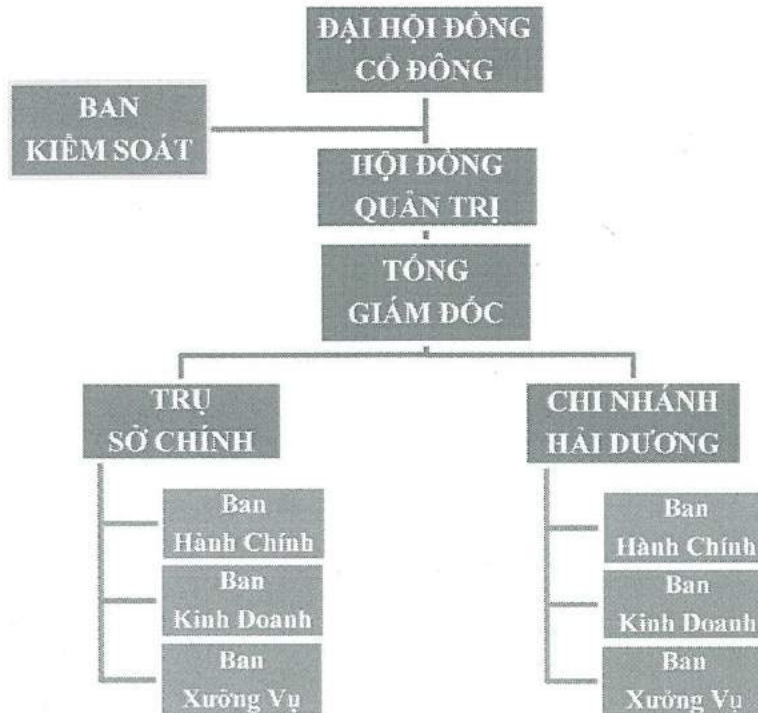
## EIW

### 聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện từ Polyester-Imide  
Polyester-Imide Enameled Wire  
耐温等級 : 180°C  
Cấp chịu nhiệt: 180°C  
Thermal Rating: 180°C



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



- **Mô hình quản trị:** Gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- **Tổ chức và địa bàn kinh doanh:** Công ty tổ chức địa bàn kinh doanh trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh. Chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

+ **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251-3836 361-4

Fax: 0251-3836 388

E-mail: [vndnstock@mail.taya.com.tw](mailto:vndnstock@mail.taya.com.tw)

Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

+ **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220 – 3775888

0220 – 3775890~892

Fax: 0220 – 3775 896

Email: [genehsu@mail.taya.com.tw](mailto:genehsu@mail.taya.com.tw)

Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

+ **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

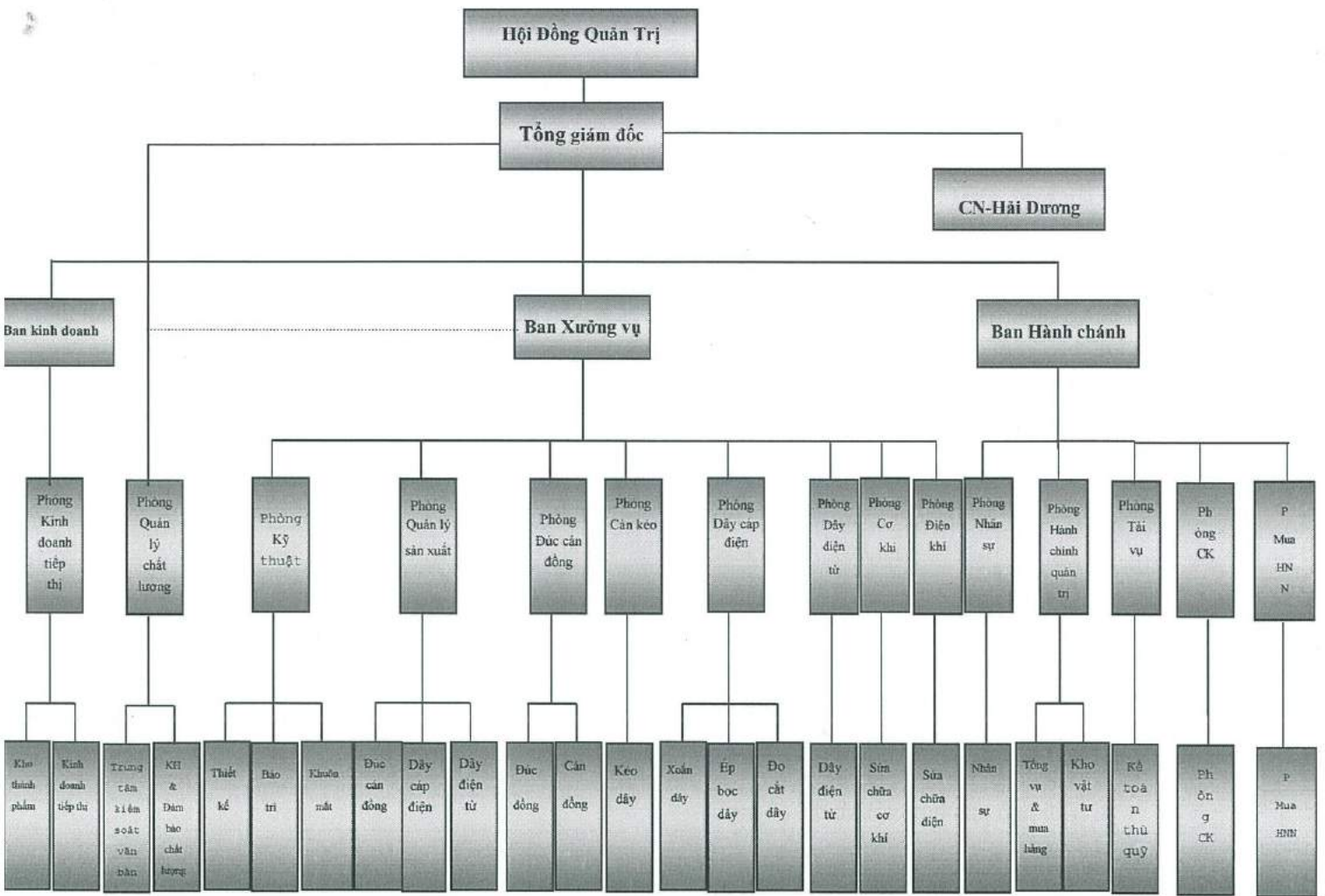
Điện thoại: 028-35128861-3

Fax: 028-35128790

E-mail: [kao@mail.taya.com.tw](mailto:kao@mail.taya.com.tw)

Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

# SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

**Ban Hành chính quản trị:** Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

**Ban kinh doanh tiếp thị:** Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

**Ban xưởng vụ:** Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

- **Các công ty con, công ty liên kết:** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

(Không có)

## 4. Định hướng phát triển:

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- a) Thực hiện công nghiệp 4.0 và đã trở thành 1 trong 50 nhà máy sản xuất xanh và sạch tại Việt Nam.
- b) Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- c) Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- d) Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 30%/năm.
- e) Chiếm 25% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận, tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội. Chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Chiến lược đổi mới về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và tiêu thụ, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

##### A. Phát triển thị trường:

1. Tập trung ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường, dây cáp điện cho năng lượng mặt trời.

##### B. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự tài năng.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

##### C. Đầu tư phù hợp:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy đầu cơ tích trữ các định chế tài chính, quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Nhằm giảm thiểu rủi ro, công ty ngoài mua hàng tập trung với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá, công ty tìm thêm nguồn cung ứng tại chỗ khác nhau, thanh toán bằng VNĐ và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

#### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

##### Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy yếu và tác động bởi đại dịch Covid-19, mọi cá thể kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi công ty đều phải chịu trách nhiệm trước mục tiêu phát triển của chính công ty mình, dựa vào tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình mà chọn lựa sử dụng những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

##### Về mặt chính sách:

##### Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)

Trên con đường CSR, công ty hiểu rằng một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng công ty mình, mà còn phải tìm ra một hướng đi để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

➤ **Tầm nhìn:** Phần đầu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được tin cậy bởi người lao động, khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp và quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

➤ **Giá trị của ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới.

### **Bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp**

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường. Trong đó, sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận Chứng nhận hợp chuẩn “Dấu tích Carbon” (lượng khí CO<sub>2</sub> thải), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

### **Trách nhiệm xã hội và cộng đồng**

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty sẽ mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng niềm hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ học bổng, khuyến khích sinh viên, học sinh là con em công nhân chăm chỉ học hành, tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ, công nhân đào tạo chuyên sâu nghề, học tốt ngoại ngữ hoặc tiếp tục chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội việc làm cho người lao động và xã hội.

## **5. Các rủi ro:**

**5.1. Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD.

### **Cách dự phòng**

Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**5.2. Rủi ro môi trường:** các rủi ro môi trường thường gặp trong công ty là: ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm bức xạ và ô nhiễm nhiệt.

- a) Ô nhiễm không khí chủ yếu là khói, khí thải phát tán ra môi trường trong vận hành hệ thống sản xuất.
- b) Ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp thải ra môi trường từ nhà máy.
- c) Ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu là tiếng ồn từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất.
- d) Ô nhiễm bức xạ chủ yếu là ô nhiễm bức xạ điện từ của thiết bị sản xuất.
- e) Ô nhiễm nhiệt chủ yếu là nhiệt độ sản sinh từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất.

### **Cách dự phòng**

- a) Sử dụng các loại vật liệu môi tiếp nhập khẩu để lọc và khử mùi các khí thải như khí carbon, khói thải trước khi thải ra khỏi nhà máy.



- b) Nước thải sinh hoạt nhà máy được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp để xử lý tập trung. Công ty không có nước thải công nghiệp trong ngành sản xuất dây cáp điện, chỉ một khối lượng nhỏ nước sạch dùng để giảm nhiệt sản phẩm theo phương pháp tuần hoàn trong quy trình sản xuất. Nước sạch giảm nhiệt được chứa trong bể bê tông cốt thép kiên cố, không rò rỉ, không thải ra môi trường bên ngoài.
- c) Máy móc và thiết bị sản xuất của công ty không gây ra tiếng ồn lớn, chỉ duy nhất một máy cán kéo lớn có gây tiếng ồn và công ty trang bị dụng cụ chống tiếng ồn cho công nhân.
- d) Công ty không sử dụng thiết bị có bức xạ điện từ công suất lớn.
- e) Tất cả nhà xưởng sản xuất đều mở cửa thông thoáng, máy móc thiết bị của công ty không tạo ra sức nhiệt ảnh hưởng sức khỏe con người.
- f) Xung quanh nhà xưởng trồng hoa, cỏ và cây xanh lâu năm, không chặt phá bừa bãi.

**5.3. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh:** Rủi ro thiên tai và dịch bệnh có thể gây ra thiệt hại lớn về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế – xã hội nói chung và công ty nói riêng.

- a) Rủi ro thiên tai như gió bão, địa chấn, mưa lụt và sạt lở...có thể đe dọa đến hoạt động sản xuất của công ty. Có 3 đới địa chấn chính trên thế giới: Đới địa chấn Vành đai Thái Bình Dương, Đới địa chấn Á-Âu và địa chấn Ridge (vùng núi dưới biển). Theo lý thuyết về các mảng kiến tạo toàn cầu, vỏ trái đất được chia thành các mảng lớn và nhỏ vận động tương đối với nhau bởi một số đới hoạt động kiến tạo. Hầu hết các trận động đất trên thế giới đều xảy ra trên ranh giới của các mảng lớn. Do Việt Nam nằm trong Mảng kiến tạo bán đảo Đông dương, cách xa rìa của mảng chuyển động nên hiếm khi xảy ra động đất mạnh và hầu như không có động đất và sóng thần hủy diệt. Mặc dù có bão, lũ và sạt lở đất ở Việt Nam nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- b) Rủi ro dịch bệnh Covid-19 đã thực sự ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty. Trong quý 3 (tháng 7,8,9/2021) đỉnh điểm biến chủng Delta dịch Covid-19 hoành hành, công ty tổ chức hoạt động sản xuất theo phương án 3 tại chỗ, để vừa tránh dịch, vừa đảm bảo hoạt động kinh tế nhưng cũng chỉ đạt được công suất hoạt động khoảng 30% so với ngày bình thường. Trong quý 3/2021 trụ sở chính công ty tại tỉnh Đồng Nai đã thua lỗ 9,6 tỷ đồng. Tuy nhiên chi nhánh tại tỉnh Hải Dương chịu tác động bởi dịch Covid-19 nhẹ hơn và kinh doanh có lãi. Vì vậy, tổng hợp lợi nhuận quý 3/2021 của công ty chỉ thua lỗ khoảng 729 triệu đồng. Sang quý 4/2021, do tỷ lệ bao phủ vaccin tăng cao và kinh tế phát triển trở lại, quý 4 công ty lãi khoảng 24,3 tỷ đồng. Cả năm 2021 công ty lãi khoảng 66,9 tỷ đồng.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/giảm Kim ngạch	Tăng/giảm (%)
Doanh thu	2.127.113.291.305	1.657.383.168.889	469.730.122.416	22,08%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	67.844.588.138	68.293.401.019	-448.812.881	-0,66%
Lợi nhuận trước thuế	82.439.764.721	87.823.039.345	-5.383.274.624	-6,53%

Lợi nhuận sau thuế	66.979.107.976	71.504.254.353	-4.525.146.377	-6,76%
--------------------	----------------	----------------	----------------	--------

So với năm 2020, tuy doanh thu năm 2021 đạt 2.127,1 tỷ đồng, tăng 22,08% nhưng lợi nhuận lại giảm 6,76%. Chủ yếu do giá đồng thể giới bình quân năm 2021 tăng cao ở mức 9.314,74 USD/Tấn và năm 2020 là 6.168,59 USD/Tấn, ảnh hưởng doanh thu năm 2021 tăng cao theo đơn giá sản phẩm nhưng khối lượng hàng hóa tiêu thụ không như mong đợi và ảnh hưởng giảm lợi nhuận sau thuế cả năm.

## 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

(Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch)

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng/giảm Kim ngạch	Tỷ suất đạt thành so với KH
Vốn điều lệ	306.899.450.000	306.899.450.000	-	-
Doanh thu	1.602.584.169.683	2.127.113.291.305	524.529.121.622	132,73%
Chi phí quản lý và bán hàng	47.935.482.778	67.844.588.138	19.909.105.360	143,53%
Lợi nhuận trước thuế	88.617.293.405	82.439.764.721	-6.177.528.684	93,03%
Lợi nhuận sau thuế	75.410.432.903	66.979.107.976	-8.431.324.927	88,82%
LN sau thuế/Doanh thu (%)	4,71	3,15	-	-
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	24,57	21,82	-	-

So với kế hoạch, doanh thu năm 2021 vượt 132,73%; lợi nhuận sau thuế chỉ đạt thành 88,82% nguyên nhân như sau:

### Phân tích nguyên nhân không đạt/đạt/vượt chỉ tiêu:

**1. Tăng doanh thu:** Do kế hoạch doanh thu năm 2021 xây dựng trên dự tính giá đồng bình quân thể giới vào khoảng 6.650USD/T, nhưng thực tế giá đồng bình quân thể giới năm 2021 tăng cao ở mức 9.314,74USD/T, vì vậy doanh thu tăng theo đơn giá sản phẩm bán ra.

**2. Giảm lợi nhuận:** lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm 11,18% so với kế hoạch, nguyên nhân tuy doanh thu tăng theo giá đồng nhưng khối lượng sản phẩm tiêu thụ không như mong đợi và ảnh hưởng từ Covid-19 tại quý 3/2021 cộng với yếu tố của chi phí cố định đầu ra ảnh hưởng giảm lợi nhuận cả năm.

## 2. Tổ chức và nhân Sự

### 2.1 Cơ cấu tổ chức

- Hội đồng quản trị gồm tám (8) người: 1 chủ tịch; 1 phó chủ tịch; 3 thành viên thường vụ, 3 thành viên độc lập.
- Ban kiểm soát gồm ba (3) người: 1 trưởng ban; 2 thành viên.
- Một tổng giám đốc: chịu trách nhiệm trụ sở chính công ty tại tỉnh Đồng Nai.
- Một phó tổng giám đốc: chịu trách nhiệm tại chi nhánh tỉnh Hải Dương.
- Một kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty.
- Các giám đốc, phó giám đốc; xưởng trưởng, phó xưởng trưởng; trưởng văn phòng đại diện; các trưởng phòng, phó phòng của các phòng ban.

### 2.2 Danh sách Ban điều hành:

- Ông Wang Ting Shu  
Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

● Ông Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương.

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 31/12/1967

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Fung Chia Đài Loan

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

● Ông Su Yu Chun

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1972

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học Texas, Hoa Kỳ.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

● Ông Trương Thanh Hào

Chức vụ hiện tại: giám đốc kinh doanh

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 24/08/1960

Nơi sinh: T.p Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Hoa

Trình độ văn hóa: Đại học

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

● Bà Wu Chia Ling

Chức vụ hiện tại: giám đốc hành chính

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 23/05/1978

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

● Ông Lin Po I

Chức vụ hiện tại: giám đốc sản xuất

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 03/11/1984

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

### 2.3 Những thay đổi trong ban điều hành:

- Không thay đổi

#### 2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương tại thời điểm 31/12/2021 là 396 người với 117 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 14 người chiếm 3,54% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý.

#### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

##### 3.1 các khoản đầu tư lớn

- Không có.

##### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Không có.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

(VND)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.215.935.258.927	892.193.305.320	36,29
Doanh thu thuần	2.127.113.291.305	1.657.383.168.889	28,34
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	82.428.927.460	88.106.859.465	-6,44
Lợi nhuận khác	86.417.851	411.997.862	-79,02
Lợi nhuận trước thuế	82.439.764.721	87.823.039.345	-6,13
Lợi nhuận sau thuế	66.979.107.976	71.504.254.353	-6,33
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	17,5%	-

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐV	2021	2020	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	%	153,44	189,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	%	83,11	133,50	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,77	46,45	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	148,54	86,74	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	%	527,38	401,03	

Chỉ tiêu	ĐV	2021	2020	Ghi chú
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	201,80	157,24	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,15	4,31	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu(ROE)	%	13,69	14,97	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	5,51	8,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,88	5,32	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết nắm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

**b) Cơ cấu cổ đông (tại 17/03/2022):**

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng cổ phần</b>	<b>2.793.086</b>	<b>9,10</b>	<b>27.896.859</b>	<b>90,90</b>	<b>30.689.945</b>	<b>100</b>
Cổ đông lớn	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông tổ chức	15.002	0,05	1.699.619	5,54	1.714.621	5,59
Cổ đông cá nhân	2.768.721	9,02	1.642.068	5,35	4.410.789	14,37
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa						100

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

STT	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2005: 182.676.270.000 VND, tương đương 18.267.627 cổ phần.</b>				<b>100%</b>
<b>01</b>	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) <i>(chưa niêm yết)</i>	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đà Nam, Đà Loan.	109.606.220.000VND	60%
<b>02</b>	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triền. (Cuprime Material Co.,Ltd)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đà Loan.	36.535.250.000VND	20%

	(chưa niêm yết)			
03	Cổ đông khác (đã Niêm yết)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.	36.534.800.000VND	20%
Ngày 04/04/2006, Chia cổ tức năm 2004 bằng cổ phiếu với mức 15% = 2.740.070 cổ phiếu (bỏ số lẻ)				
Ngày 24/07/2006, Chia cổ tức năm 2005 bằng cổ phiếu với mức 15% = 3.150.711 cổ phiếu (bỏ số lẻ)				
<b>Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2006: 241.584.080.000 VND, tương đương 24.158.408 cổ phần.</b>				<b>Tỷ lệ 100%</b>
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đà Nam, Đà Loan.	144.954.100.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đà Loan.	48.317.700.000VND	20%
03	Cổ đông khác (đã Niêm yết)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM	48.312.208.000VND	20%
Ngày 10/07/2007, chia cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.415.140 cổ phiếu (bỏ số lẻ)				
<b>Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2007: 265.735.480.000 VND, tương đương 26.573.548 cổ phần.</b>				<b>Tỷ lệ 100%</b>
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đà Nam, Đà Loan.	159.949.500.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đà Loan.	53.149.400.000VND	20%
03	Cổ đông khác (đã Niêm yết)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.	52.636.580.000VND	20%
Ngày 08/07/2008 Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với mức 5% = 1.327.829 cổ phiếu (bỏ số lẻ)				
<b>Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2008: 279.013.770.000 VND, tương đương 27.901.377 cổ phần.</b>				<b>Tỷ lệ 100%</b>
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và	Số 249, đường Trung Sơn,	167.421.970.000VND	60%

	cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) <i>(chưa niêm yết)</i>	đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan.		
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) <i>(chưa niêm yết)</i>	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan.	55.806.870.000VND	20%
03	Cổ đông khác <i>(đã Niêm yết)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.	55.784.930.000VND	20%
<b>Vốn cổ phần từ năm 2009~năm 2015 vẫn duy trì 279.013.770.000 VND (bù lỗ không chia cổ tức)</b>				
Tháng 5 năm 2016, hai Cổ đông sáng lập của công ty bao gồm: Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á sang nhượng 16.742.197 cổ phần và Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển sang nhượng 5.580.687 cổ phần, tổng cộng 22.322.884 cổ phần cho tổ chức Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.				
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd <i>(chưa niêm yết)</i>	Cayman Islands	223.228.840.000VND	80%
02	Cổ đông khác <i>(đã Niêm yết)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM	55.784.930.000VND	20%
Ngày 07/07/2016 Chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.788.568 cổ phiếu (bỏ số lẻ)				
<b>Vốn cổ phần tại 31/12/2016: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần.</b>				<b>Tỷ lệ 100%</b>
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd <i>(chưa niêm yết)</i>	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác <i>(đã Niêm yết)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM	61.347.730.000VND	20%
<b>Vốn cổ phần tại 31/12/2017: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần.</b>				<b>Tỷ lệ 100%</b>
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd <i>(chưa niêm yết)</i>	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác	Sở giao dịch chứng khoán	61.347.730.000VND	20%

(đã Niêm yết)	Tp.HCM		
<b>Vốn cổ phần các năm 2018, 2019, 2020, 2021 vẫn giữ nguyên 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần không thay đổi.</b>			

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** cổ phiếu quỹ năm 2021 của công ty là 9.363 cổ phiếu. Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** công ty không phát hành chứng khoán khác.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

### 6.1. Tác động lên môi trường:

#### Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

**Nhiên liệu:** Hoạt động sản xuất dây cáp điện của công ty chủ yếu sử dụng nhiên liệu sạch là điện, các máy móc thiết bị hoạt động bằng động cơ điện, không sử dụng máy móc thiết bị đốt cháy nhiên liệu hóa thạch như xăng dầu, than đá, vì vậy không tạo ra khí thải nhà kính như khí Carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), Methane (CH<sub>4</sub>), Nitrous oxide (N<sub>2</sub>O), Hydrofluorocarbons (HFCs), Perfluorocarbons (PFCs) và Sulphur hexafluoride (SF<sub>6</sub>).

**Vận tải hàng hóa:** Hoạt động vận tải hàng hóa của công ty bằng 6 xe vận tải nhỏ và vừa và 4 xe nâng hàng hóa từ 3,5 tấn đến 10 tấn, không tạo ra khí thải nhà kính đáng ngại. Các thiết bị nén cũng không nhiều được công ty bảo trì cẩn thận định kỳ không rò rỉ ra ngoài. Công ty không khai thác, chế biến, vận chuyển nhiên liệu hóa thạch.

**Chất thải:** Chi rác thải công nghiệp như thùng nhựa, phi sắt, bao giấy đựng nguyên liệu, vải lau chùi, vệ sinh máy móc cơ khí được thu gom hàng ngày bởi công ty quản lý môi trường tập trung xử lý theo quy định. Công ty không chôn lấp chất thải rắn; không xử lý sinh học chất thải rắn; không thiêu hủy chất thải. Công ty không có nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp.

#### Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Công ty dự định tiến hành kiểm tra đo lường tình trạng khí thải nhà kính trong nhà máy vào tháng 7 năm 2022 để phát hiện và có biện pháp cải thiện.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

#### a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2021:

Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu, mua nội địa và hạt nhựa PVC, PE mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu.

#### Trong năm 2021 công ty:

- Nhập khẩu đồng tấm khoảng 4.825 tấn 144,2 kg; mua trong nước 4.040 tấn 563 kg, tổng cộng 8.865 tấn 707,2 kg.

- Nhập khẩu sơn Vecni cách điện 282 tấn 609 kg; mua trong nước 53 tấn 472 kg.

- Nhập khẩu Hạt nhựa PVC, XLPE 40 tấn 292 kg; mua trong nước 2.116 tấn 115 kg.



- Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 11.049 cái/năm.

**b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.**

0%.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

**a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.**

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2021 là: 19.264.497 kw, tăng 298.847 kw so với 18.965.650 kw của năm 2020 do ảnh hưởng Covid-19 công ty thực hiện kế hoạch sản xuất theo phương án 3 tại chỗ, kết quả chi phí cố định tiền điện tăng (đặc biệt chi phí điện sinh hoạt tăng) nhưng sản lượng không như mong muốn.

**b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.**

Không có

**c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.**

Không có

### **6.4. Tiêu thụ nước năm 2021: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

**a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng**

Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2021 là 12.153,4 m<sup>3</sup>. Nguồn nước sử dụng trong kinh doanh và sản xuất đều do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và Công ty cấp nước tỉnh Hải Dương cung cấp.

**b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử.**

Không có

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

**a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.**

Không có.

**b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường**

Không có..

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.**

**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.**

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương tại thời điểm 31/12/2021 là 396 người. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: đại học và cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức lương bình quân người lao động công ty năm 2021 là 13.352.857 đồng/tháng (bao gồm tháng thứ 13) chưa trừ phí BHXH, BHYT, BHTN.

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.**

➤ **Chương trình khám sức khỏe định kỳ:**

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát

hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để dự phòng, điều trị sớm gìn giữ sức khỏe.

➤ **Đo kiểm môi trường làm việc:**

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty

➤ **Chính sách lương:**

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

➤ **Chính sách thưởng:**

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2021 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên và tiền thưởng thâm niên cho nhân viên làm việc gắn bó lâu dài với công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng.

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

➤ **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm**

- Tổng số giờ đào tạo: 724 giờ, trung bình 4 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Năm 2021 công ty tạm ngưng mọi hoạt động từ thiện và hỗ trợ học bổng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và kết quả kinh doanh của công ty.

**Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.**

- Không có

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

- Không có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2021	2020	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.127.113.291.305	1.657.383.168.889	469.730.122.416	22,08
2. Giá vốn hàng bán	1.964.354.216.724	1.493.702.441.719	470.651.775.005	23,96
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.759.074.581	163.680.727.170	-921.652.589	-0,57
4. Doanh thu hoạt động tài chính	9.033.183.790	12.669.248.545	-3.636.064.755	-40,25
5. Chi phí tài chính	21.518.742.773	19.949.715.231	1.569.027.542	7,29
6. Chi phí bán hàng	26.726.948.808	26.622.923.004	104.025.804	0,39
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.117.639.330	41.670.478.015	-552.838.685	-1,34
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	82.428.927.460	88.106.859.465	-5.677.932.005	-6,89
9. Thu nhập khác	86.417.851	411.997.862	-325.580.011	-376,75
10. Chi phí khác	75.580.590	695.817.982	-620.237.392	-820,63
11. Lợi nhuận trước thuế	82.439.764.721	87.823.039.345	-5.383.274.624	-6,53
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.609.596.555	16.247.972.436	-638.375.881	-4,09
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	(148.939.810)	70.812.556	-219.752.366	147,54
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.979.107.976	71.504.254.353	-4.525.146.377	-6,76
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần	2.124	2.331	-207	-9,75

#### Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả kinh doanh năm 2021 và năm 2020 như sau:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2021 khoảng 2.127,1 tỷ đồng tăng 22,08% so với năm 2020. Trong đó xuất khẩu chiếm 25,46% (tăng 2,94%) so với năm 2020. Chủ yếu xuất khẩu sang các nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2021 ở mức 1,26% thấp hơn mức 1,61% của năm 2020. Mức giảm này phản ánh hiệu quả quản lý chi phí bán hàng của công ty rất tốt.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2021 ở mức 1,93% thấp hơn mức 2,51% của năm 2020 phản ánh chi phí quản lý cơ bản thực tế của công ty.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2021 thấp hơn năm 2020, phản ánh nhu cầu vay vốn lưu động ít hơn năm 2020.

#### ➤ Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch:

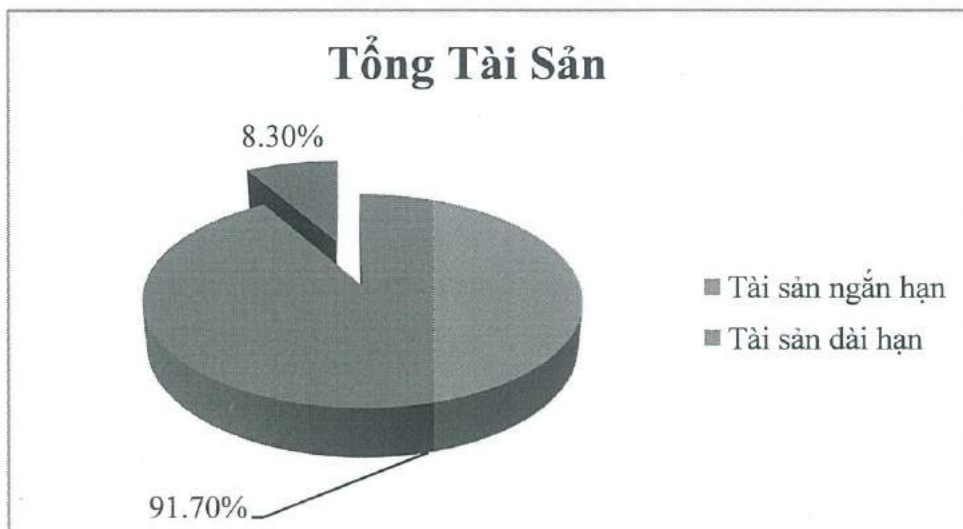
Doanh thu tổng hợp quý 3 năm 2021 của công ty so với cùng kỳ năm 2020 tuy tăng 8,19 tỷ đồng( 2,2%) là do giá đồng nguyên liệu quý 3/2021 đang ở mức cao, thật chất công ty bán hàng không như mong đợi. Đặc biệt do biến thể Delta Covid-19 bùng phát, liên tục 3 tháng (7,8,9) cả nước giãn cách xã hội và thành phố phong tỏa, các công trình nhà xưởng xây dựng của khách hàng đều bị ngừng trệ và tất cả hoạt động thương mại hầu như hoàn toàn bế tắc, ảnh hưởng giảm đáng kể lợi nhuận kinh doanh cả năm của công ty.

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo (Book Value):**

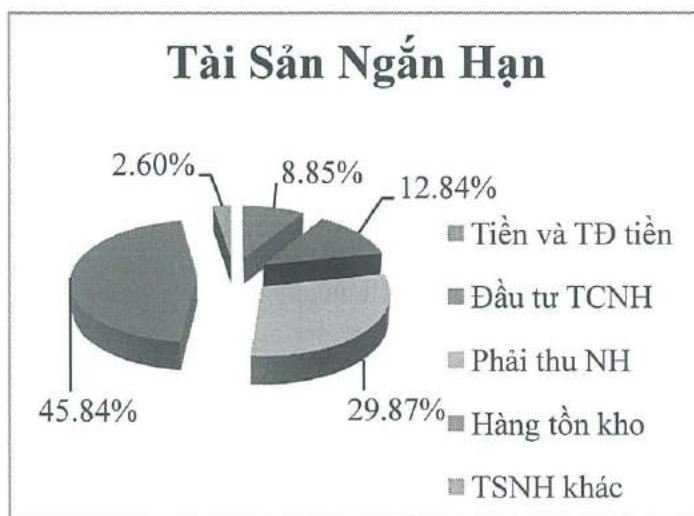
Chỉ tiêu	2021	2020	2019
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	15.938	15.568	15.603

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**



- Tổng tài sản công ty năm 2021 là 1.215.935.258.927 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 91,70%, tỷ lệ này tuy cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.



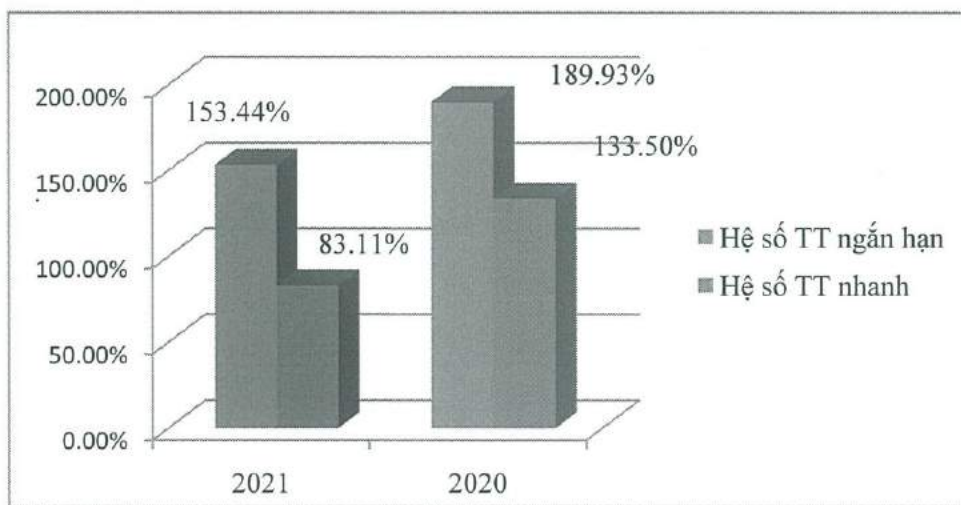
b) **Tình hình nợ phải trả**



**Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ**

- Năm 2021 công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn khoảng 726,7 tỷ đồng, chiếm 59,77% trên Tổng nguồn vốn (khoảng 1.215,9 tỷ đồng) công ty.
- Trong đó, vay ngắn hạn khoảng 587,1 tỷ đồng chiếm 80,78% trên nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để chi trả nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
- Chỉ số ROE năm 2021 của công ty là 13,69% thấp hơn 14,97% năm 2020 phản ánh khả năng tăng lợi nhuận so với năm 2020 giảm, do ảnh hưởng của Covid-19 giảm lợi nhuận quý 3/2021.

**Năng lực thanh toán:**



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 là 153,44% thấp hơn 189,93% năm 2020, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2021 thấp hơn năm 2020. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn của công ty dồi dào và khả năng tài sản lưu động chuyển đổi thành tiền khá cao khoảng 1.115 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khoảng 333,1 tỷ đồng; hàng tồn kho khoảng 511,1 tỷ đồng) sẽ không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 là 83,11% thấp hơn 133,5% của năm 2020, tiền và các khoản tương đương tiền dồi dào, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.

**Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

- **Nợ phải trả năm 2021** của công ty khoảng 726,7 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 333,1 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 511,1 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả.
- **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Năm 2021 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

### 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

Đã thực hiện kế hoạch công nghiệp 4.0 và trở thành một trong top 50 nhà máy sản xuất xanh sạch tại Việt Nam. Đã hoàn thành hệ thống quản lý mạng điện tử liên thông từ các khâu sản xuất, mua hàng, kiểm phẩm và bộ phận kế toán.

### 4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 50%, xuất khẩu 30%, lợi nhuận sau thuế trên 90 tỷ đồng.

### 5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)*

- Không có

### 6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2021 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện:

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực. Hằng ngày có đội vệ sinh chuyên nghiệp vào công ty thu gom, vận chuyển về địa điểm lưu trữ riêng biệt.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam.

#### a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).**

- Năm 2021 công ty tiêu thụ nước 33.180 m<sup>3</sup> trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 21.026 m<sup>3</sup>, tăng 3.241 m<sup>3</sup> (do thực hiện phương án sản xuất 3 tại chỗ) và 12.154 m<sup>3</sup> còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội sản phẩm ít khi thải ra ngoài. Tỷ lệ hao hụt do bốc hơi, thay nước không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
- Tỷ suất năng lượng điện tiêu hao trong hoạt động sản xuất tính trên doanh thu (có thuế VAT) năm 2021 là 0,0165% cao hơn 0,0010% của năm 2020 do ảnh hưởng của Covid-19 công ty thực hiện sản xuất 3 tại

chỗ công suất hoạt động chỉ đạt 30% tổn hao trong chi phí cơ bản cố định. Năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất.

Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường.

#### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.**

Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau.

#### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.**

Là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư rất sớm tại tỉnh Đồng Nai vào năm 1992, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của chính phủ địa phương. Năm 2005 là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tham gia niêm yết giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, đóng vai trò tiên phong gây dựng niềm tin đầu tư vào thị trường vốn Việt Nam. Nhiều năm qua, công ty giữ vững đầu tư, ổn định sản xuất tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Hải Dương, tạo dựng công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, cuộc sống ổn định cho người lao động. Mỗi năm, công ty đều hỗ trợ học bổng cho trường cao đẳng Đại học tại địa phương, cũng như việc tài trợ tiền khuyến học cho con em người lao động của công ty và tham gia hoạt động từ thiện khác. Nhưng do ảnh hưởng của Covid-19 công ty tạm ngưng hoạt động này trong năm 2021 và sẽ hoạt động trở lại khi tình hình khả quan và điều kiện cho phép.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Kinh tế thế giới năm 2021 tuy vẫn chịu tác động bởi Đại dịch Covid-19, nhưng do tỷ lệ bao phủ Vaccine trên toàn cầu phát huy hiệu quả và các nước đẩy mạnh phát triển kinh tế, năm 2021 công ty kinh doanh có lãi khoảng 66,9 tỷ đồng.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2021, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Trong tác động của Đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng GDP Việt nam năm 2021 đạt 2,58%.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2022 rất khả quan, nhưng do Đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Vì vậy, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2022 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022
Doanh thu thuần	2.219.448.106.040
Lợi nhuận gộp	162.074.051.728
Lợi nhuận trước thuế	109.845.116.615
Chi phí thuế TNDN	16.390.329.062
Lợi nhuận sau thuế	93.454.787.553

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2022 ở mức 10.000USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 23.300VND/USD.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT

##### **Ông Shen Shang Pang**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.

Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)

Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 160.254 cổ phần (0,52%).

##### **Ông Shen Shang Tao**

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 44.732 cổ phần (0,15%).

##### **Ông Shen Shang Hung**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 46.442 cổ phần (0,15%).

##### **Ông Shen San Yi**



Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 185.535 cổ phần (0,6%).

### **Ông Wang Ting Shu**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

### **Ông Tsai Chung Cheng**

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

### **Ông Tu Ting Jui**

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

### **Ông Lin Fu Chih**

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1952

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Thành Công Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

### **b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty thành lập tiểu ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên bao gồm:

- Ông Tsai Chung Cheng – thành viên độc lập HĐQT.
- Ông Tu Ting Jui – thành viên độc lập HĐQT..
- Ông Lin Fu Chih – thành viên độc lập HĐQT.

Tiểu ban Kiểm toán trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ và thực thi chức trách theo quy định tại “**Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**” và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2021 HĐQT đã họp 14 lần nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại tân tiến, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 công ty lãi khoảng 66,9 tỷ đồng.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Công ty không thiết lập các tiểu ban Hội đồng quản trị, chỉ giao trách nhiệm ba thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự, lương thưởng và pháp lý của Hội đồng quản trị. Năm 2021 ba thành viên độc lập đã tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị 14 lần, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, đồng thời xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị quyết định đề bạt nhân sự, duyệt kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng, phát tiền thưởng cuối năm 2021 cho nhân viên công ty.

**Hoạt động của tiểu ban kiểm toán**

Tiểu ban kiểm toán đã bộ nhiệm Trưởng kiểm toán nội bộ của công ty là người phụ trách công việc kiểm toán nội bộ tại công ty. Tiểu ban kiểm toán xem xét, chỉ đạo sát sao và phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ của công ty, sau đó đánh giá báo cáo việc thực hiện kiểm toán nội bộ của công ty trong năm 2021. Tiểu ban kiểm toán nhận xét nội dung cũng như mặt kỹ thuật kiểm toán của công ty rất chuyên nghiệp và hiệu quả, nhắc nhở mọi người tham gia cảnh giác, phát hiện, ngăn chặn rủi ro và nguy cơ phát sinh rủi ro.

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

**Ông Hung Chung Ming**

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 05/04/1977

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)

Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Kun Shan University Taiwan; chuyên ngành Tài chính kế toán.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

**Ông Wang Wen Ruey**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám đốc Cuprime Material Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

**Ông Chiu Tsung Jen**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam

Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.310 cổ phần (0,01%).

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát một năm họp năm (5) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc**

**Lương, thưởng và phí khác của HĐQT năm 2021 như sau:**

Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Phí bảo lãnh vay ngân hàng
Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	2.155.296.362 đồng	754.277.837 đồng
Ông Shen Shang Tao	Phó chủ tịch	1.775.784.862 đồng	
Ông Shen Shang Hung	Thành viên	165.759.862 đồng	
Ông Shen San Yi	Thành viên	165.759.862 đồng	
Ông Wang Ting Shu	Thành viên	165.759.862 đồng	
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	165.759.862 đồng	
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	165.759.862 đồng	

Ông Lin Fu Chih	Thành viên	165.759.862 đồng	
-----------------	------------	------------------	--

**Lương, thưởng và phúc lợi khác của ban Tổng giám đốc năm 2021**

Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng và phúc lợi khác
Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	1.114.977.900 đồng
Shu Ching Yao	Phó Tổng giám đốc	763.901.850 đồng

**Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021:**

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty khoảng 66,9 tỷ đồng, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 04 năm 2021, công ty phải chi trả thù lao năm 2021 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với mức 3% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ.

**Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS**

Năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và chính sách hạn chế thời gian bay và cách ly giữa các quốc gia, các thành viên HĐQT và BKS của công ty phải chuyển sang làm việc thông qua truyền hình trực tuyến, vì vậy chi phí hoạt động sụt giảm đáng kể.

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

- Tháng 7/2021, Chủ tịch HĐQT ông Shen Shang Pang mua vào 16.500 cổ phiếu của công ty.
- Tháng 7/2020, Thành viên HĐQT ông Shen San Yi mua vào 19.300 cổ phiếu của công ty.

**Xung đột lợi ích với công ty:**

- Không xung đột lợi ích.

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ năm 2021:**

**Giao dịch với Công ty có liên quan:**

**► Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd)**

- Nhập khẩu nguyên vật liệu 11.267.815.254 đồng.
- Phí dịch vụ: 27.018.839.250 đồng.
- Phí bản quyền và phí UL 2.946.580.474 đồng.

**► Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam):**

- Mua nguyên vật liệu 40.060.821 đồng; bán thành phẩm 2.710.839.874 đồng; cho thuê văn phòng và nhà xưởng 781.904.320 đồng

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Công ty thực hiện việc Quản trị công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành .

**VI. Báo cáo tài chính (xem BCTC tổng hợp và Trụ sở chính năm 2021 tại [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn) mục Quan hệ cổ đông).**

**1. Ý kiến kiểm toán**



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (20) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00309/1-22-3



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.115.070.776.979</b>	<b>787.111.878.367</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	98.730.873.775	133.170.546.227
Tiền	111		90.330.873.775	84.970.546.227
Các khoản tương đương tiền	112		8.400.000.000	48.200.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>143.167.850.353</b>	<b>117.459.939.282</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	143.167.850.353	117.459.939.282
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>333.112.700.432</b>	<b>297.843.029.624</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	332.051.023.214	297.501.202.158
Trả trước cho người bán	132		714.339.400	505.868.720
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.466.416.030	997.676.958
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.161.718.212)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>511.107.353.739</b>	<b>233.834.826.023</b>
Hàng tồn kho	141		513.404.514.253	234.612.950.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.297.160.514)	(778.124.444)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.951.998.680</b>	<b>4.803.537.211</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.263.911.345	2.279.393.498
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	23.749.656.145	2.300.431.058
Thuế phải thu Nhà nước	153		2.732.821.135	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		205.610.055	223.712.655
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>100.864.481.948</b>	<b>105.081.426.953</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.142.611.970</b>	<b>102.445.066.724</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	94.063.215.170	102.279.053.924
Nguyên giá	222		508.596.456.188	505.139.885.862
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(414.533.241.018)	(402.860.831.938)
Tài sản cố định vô hình	227	9	79.396.800	166.012.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(920.682.000)	(834.066.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.297.587.539</b>	<b>7.159.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.297.587.539	7.159.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.424.282.439</b>	<b>2.629.201.229</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.919.571.327	2.273.429.927
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		504.711.112	355.771.302
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.215.935.258.927</b>	<b>892.193.305.320</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

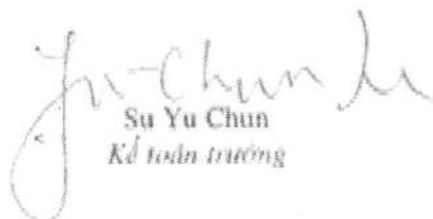
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>726.704.226.363</b>	<b>414.427.003.746</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>726.704.226.363</b>	<b>414.427.003.746</b>
Phải trả người bán	311	12	90.217.748.539	18.496.351.672
Người mua trả tiền trước	312		34.619.373.342	35.388.809.896
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(b)	3.825.653.090	5.259.569.773
Phải trả người lao động	314		8.628.312.879	9.130.359.335
Chi phí phải trả	315		2.132.382.048	1.753.860.731
Phải trả ngắn hạn khác	319		225.202.380	168.142.382
Vay ngắn hạn	320	14	587.055.554.085	344.229.909.957
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>489.231.032.564</b>	<b>477.766.301.574</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>489.231.032.564</b>	<b>477.766.301.574</b>
Vốn cổ phần	411	16	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	89.321.287.041	78.595.648.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.283.134.886	92.544.042.049
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.304.026.910	21.039.787.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		66.979.107.976	71.504.254.353
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.215.935.258.927</b>	<b>892.193.305.320</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.127.113.291.305	1.657.383.168.889
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.964.354.216.724	1.493.702.441.719
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>162.759.074.581</b>	<b>163.680.727.170</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.033.183.790	12.669.248.545
Chi phí tài chính	22	23	21.518.742.773	19.949.715.231
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.881.250.881	15.483.197.934
Chi phí bán hàng	25	24	26.726.948.808	26.622.923.004
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	41.117.639.330	41.670.478.015
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>82.428.927.460</b>	<b>88.106.859.465</b>
Thu nhập khác	31		86.417.851	411.997.862
Chi phí khác	32		73.580.590	695.817.982
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>10.837.261</b>	<b>(283.820.120)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>82.439.764.721</b>	<b>87.823.039.345</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	15.609.596.555	16.247.972.436
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(148.939.810)	70.812.556
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>66.979.107.976</b>	<b>71.504.254.353</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.124	2.331

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	82.439.764.721	87.823.039.345
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	14.527.321.338	15.270.124.122
Các khoản dự phòng	03	1.476.396.070	(155.159.028)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	378.038.672	101.886.572
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	-	(121.982.364)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(7.146.402.891)	(10.544.658.038)
Chi phí lãi vay	06	14.881.250.881	15.483.197.934
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>106.556.368.791</b>	<b>107.856.448.543</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(58.935.758.284)	(6.742.836.527)
Biến động hàng tồn kho	10	(278.791.563.786)	71.813.676.880
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	71.509.160.906	10.957.183.934
Biến động chi phí trả trước	12	(630.659.247)	(419.234.625)
		<b>(160.292.451.620)</b>	<b>183.465.238.205</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.458.897.029)	(15.780.601.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.103.798.458)	(17.419.812.741)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.823.358.486)	(2.268.740.498)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(194.678.505.593)</b>	<b>147.996.083.715</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

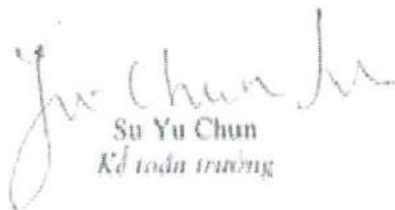
Mẫu B 03 - DN



(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	31	(9.515.295.123)	(6.420.734.866)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	121.982.364
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(241.402.911.071)	(503.989.939.282)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	215.695.000.000	454.830.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.677.663.819	10.503.317.305
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.545.542.375)</b>	<b>(44.955.374.479)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.639.902.550.746	1.041.352.190.388
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(1.396.716.906.618)	(1.071.323.783.249)
Tiền chi trả cổ tức	36	(53.691.018.500)	(70.565.338.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>189.494.625.628</b>	<b>(100.536.931.461)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(33.729.422.340)</b>	<b>2.503.777.775</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	133.170.546.227	130.667.424.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(710.250.112)	(655.778)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>98.730.873.775</b>	<b>133.170.546.227</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Biên Hòa, Ngày 04 tháng 04 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu

